TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y V, sinh năm 1993. Căn cước công dân số: 062193003797.

- Bị đơn: Anh A B, sinh năm 1986. Căn cước công dân số: 062086002592.

Cùng trú tại: Thôn G, xã R, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y V và anh A B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y V và anh A B thỏa thuận - Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Y H, sinh ngày 23/10/2008 cho chị Y V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao ba con chung: Y Huệ, sinh ngày 01/02/2011; A B1, sinh ngày 27/4/2016 và Y H1, sinh ngày 06/12/2018 cho anh A B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Y V và anh A B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Y V và anh A B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Y V tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001770 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (Phòng THADS khu vực 8). Hoàn trả cho chị Y V 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 8;
- UBND xã Rờ Kơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Phú Lợi